

# Vai trò, thực trạng và quan điểm phát triển nhóm ngành dịch vụ

TRẦN ĐÀO

(Tiếp theo kỳ trước)

## Lao động, việc làm trong ngành dịch vụ

Lao động, việc làm đối với Việt Nam là rất quan trọng, vì định hướng tăng trưởng kinh tế của Việt Nam là vì con người. Nhóm ngành dịch vụ đã có đóng góp quan trọng trong việc giải quyết công ăn việc làm.

**Về số lượng lao động làm việc trong ngành dịch vụ** (Biểu 3), có thể rút ra một số nhận xét.

Một, thoát nhìn, có thể thấy, số lao động làm việc trong khu vực dịch vụ đã tăng khá nhanh. Năm 2008 so với năm 1985, số lao động đang làm việc trong nhóm ngành dịch vụ đã cao gấp gần 2,8 lần, bình quân một năm tăng gần 4,52% - cao hơn nhiều so với các con số 1,73 lần và 2,41%/năm của toàn bộ số lao động đang làm việc trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân trong thời gian tương ứng.

Tỷ trọng lao động đang làm việc trong khu vực dịch vụ năm 2008 đã tăng khá so với năm 1986 (26,5% so với 15%). Đây là một chuyển biến tích cực, là kết quả quan trọng của đổi mới và mở cửa hội nhập.

Hai, chuyển biến tích cực trên càng thể hiện rõ, khi năng suất lao động của khu vực này cao hơn của khu vực nông, lâm nghiệp- thủy sản và cao hơn của toàn bộ nền kinh tế, nên dù tỷ trọng lao động mới chiếm 26,5%, nhưng GDP của khu vực này đã chiếm trên 38%.

Ba, tuy nhiên trong hơn mười năm nay, tỷ trọng của khu vực dịch

vụ trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân về lao động đang làm việc thì liên tục tăng lên, nhưng về GDP lại bị sụt giảm. Điều này đã dẫn đến năng suất lao động của khu vực dịch vụ tăng chậm. Để loại trừ tác động của yếu tố giá, đối với sự tăng lên của năng suất lao động, tính năng suất lao động theo giá so sánh 1994, thì tốc độ tăng năng suất lao động qua các thời kỳ như sau:

- 1987- 1990 tăng 3,52%,
- 1991- 1995 tăng 4,01%,
- 1996- 2000 tăng 1,01%,
- 2001- 2005 tăng 1,91%,
- 2006- 2008 tăng 4,32%.

Bình quân năm của khu vực dịch vụ trong thời 1987- 2008 của GDP là 6,92%, của lao động là 4,52%, của năng suất lao động là 2,68%; trong đó, năm 2008 so với năm 1995, các con số tương ứng là 6,73%/năm, 4,73%/năm, 1,91%/năm. Như vậy, tốc độ tăng năng suất lao

động thấp chỉ bằng một nửa và trong 13 năm gần đây chỉ bằng gần một phần ba tốc độ tăng của số lượng lao động.

Bốn, tình hình trên do nhiều nguyên nhân. Có nguyên nhân do thời gian qua, dịch vụ còn ít tính chuyên nghiệp, còn mang nặng tính kiêm nhiệm. Thể hiện ở chỗ:

- Các cơ quan, doanh nghiệp vẫn còn "ôm" đội xe, làm vệ sinh, bảo vệ, kế toán...; có thời còn làm thêm các ki ốt ở mặt tiền để kinh doanh.

- Nông dân tranh thủ nông nhàn ra thành phố bán hàng rong, đi xe ôm, làm ô sin, bán nước vỉa hè, mua đầu chợ, bán cuối chợ...

- Nhiều tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp lớn "ôm" cả hoạt động tín dụng, ngân hàng, đầu tư tài chính, công ty chứng khoán, sàn vàng,... Tình hình trên vừa làm hạn chế đến việc thực hiện nhiệm vụ chính, vừa giảm năng suất lao động, chất lượng, hiệu quả của lĩnh



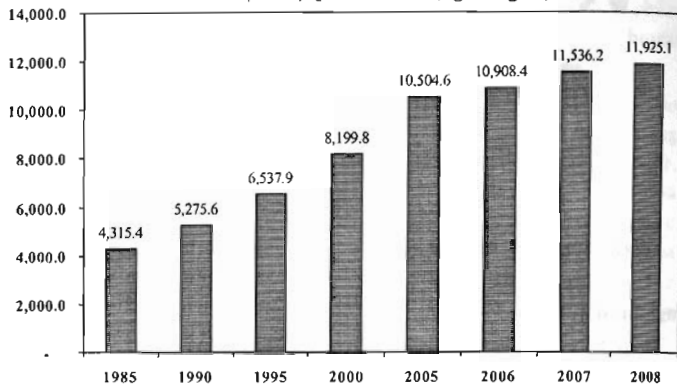
vực dịch vụ mà các cơ quan, đơn vị đó kiêm nhiệm. Năng suất lao động trong nhóm ngành dịch vụ năm 2008 đạt 46,8 triệu đồng/người, tuy cao hơn năng suất lao động chung (32,8 triệu đồng/người), nhưng còn thấp hơn của nhóm ngành công nghiệp - xây dựng (62,9 triệu đồng/người). Tỷ trọng của nhóm ngành dịch vụ trong toàn bộ nền kinh tế về số lao động thì tăng lên, tăng từ 17,4% năm 1995 lên 26,7% năm 2008), nhưng về GDP lại giảm xuống (tương ứng từ 44,06% xuống còn 33,01%).

Có nguyên nhân do thị trường của dịch vụ còn bó hẹp về phạm vi, mới chủ yếu là trong nước; ngay ở trong nước thì các ngành sản xuất sản phẩm vật chất chủ yếu dựa vào yếu tố vốn, yếu tố tăng số lao động, chất lượng tăng trưởng còn thấp, nên nhu cầu đối với phát triển dịch vụ chưa thật cao. Nói đến chất lượng tăng trưởng là nói đến hiệu quả vốn đầu tư và năng suất lao động trên cơ sở đổi mới kỹ thuật- công nghệ, là trình độ người lao động.

Có nguyên nhân do bản thân chất lượng tăng trưởng của khu vực dịch vụ cũng còn nhiều hạn chế, bất cập.

Ngành thương mại thì tỷ trọng của kinh tế cá thể còn chiếm tới 55,6%, trong đó chủ yếu là cửa hàng nhỏ lẻ, chợ, hàng rong; tỷ trọng của kinh tế tư nhân đã tăng khá, nhưng còn nhỏ (29,4%), số lượng và tỷ trọng của siêu thị, trung tâm thương mại chưa nhiều. Cơ cấu xuất khẩu phân quan trọng là nguyên liệu thô khai thác (dầu thô, than đá,...), sản phẩm chưa qua chế biến hoặc mới sơ chế (gạo, cà phê, cao su, hạt tiêu, hạt điều, chè, thủy sản,...), sản phẩm tuy đã qua chế biến nhưng mang nặng tính gia công (dệt may, giày dép, điện tử máy tính, sản phẩm gỗ,...), nên hàm lượng kỹ thuật và

Biểu 3: SỐ LƯỢNG LAO ĐỘNG LÀM VIỆC TRONG NGÀNH DỊCH VỤ QUA CÁC NĂM (nghìn người)



giá trị gia tăng thấp. Khâu tiếp thị còn yếu kém, phải bán qua trung gian, nên giá cả thường thấp hơn mặt hàng cùng loại của các nước và giá trị tăng thêm thấp.

Ngành khoa học - công nghệ còn lúng túng về tổ chức, về sự phối hợp giữa cơ quan nghiên cứu và doanh nghiệp, về cơ sở vật chất kỹ thuật, đặc biệt là các công cụ, nhà xưởng, thí nghiệm.

Ngành Giáo dục - đào tạo vẫn chủ yếu là phát triển về số lượng, chất lượng giáo dục còn thấp, các phương tiện nghiên cứu, thí nghiệm còn nghèo,...

Năm, tỷ trọng lao động đang làm việc trong khu vực dịch vụ của Việt Nam còn thấp so với nhiều nước. Năm 2007, trong khi của Việt Nam là 26,1%, thì của Thái Lan là 37,4%, của Indonesia là 37,6%, của Malaysia là 56,7%, của Nga là 61,8%, của Nhật Bản là 66,7%, của Singapore là 76,2%, của Mỹ là 78%...

Theo từng ngành thuộc nhóm ngành dịch vụ, lao động làm việc trong từng ngành như trong bảng (Bảng: Lao động làm việc trong các ngành thuộc khu vực dịch vụ).

Nét nổi bật là số lao động của các ngành thuộc khu vực dịch vụ đều tăng lên trong thời gian từ năm 2000 đến năm 2007, tốc độ tăng

của toàn khu vực và của nhiều ngành dịch vụ trong khu vực này cao hơn tốc độ tăng của toàn nền kinh tế và của toàn khu vực dịch vụ.

Đó là nói về số lượng lao động đang làm việc. Xét năng suất lao động của các ngành dịch vụ theo 2 giá: giá thực tế (để so sánh giữa các ngành và nghiên cứu hiệu quả đóng góp) và giá so sánh (để nghiên cứu tốc độ tăng).

**Về năng suất lao động tính theo giá thực tế**, có thể có một số nhận xét.

*Một*, năng suất lao động của toàn khu vực dịch vụ năm 2007 cao hơn năng suất lao động của toàn nền kinh tế. Đây là một trong những thế mạnh của ngành dịch vụ so với các ngành sản xuất sản phẩm vật chất cần được phát huy.

*Hai*, một số ngành dịch vụ cụ thể có năng suất lao động cao hơn năng suất lao động của toàn khu vực dịch vụ, như: ngành tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, ngành khách sạn, nhà hàng,... Nhưng những ngành khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo,... là những ngành động lực, chìa khoá lại có năng suất lao động thấp hơn nhiều so với năng suất lao động chung.

Nhìn chung năng suất lao động (đã loại trừ yếu tố tăng giá) năm 2007 so với năm 2000 đã tăng lên,

trong đó có những ngành tăng cao, cao hơn tốc độ tăng chung của toàn bộ nền kinh tế như ngành vận tải, bưu điện, du lịch, ngành khách sạn, nhà hàng, ngành văn hoá, thể thao; hoặc tăng cao hơn tốc độ tăng chung của toàn bộ khu vực dịch vụ, như ngành thương nghiệp, ngành khoa học - công nghệ, ngành quản lý nhà nước, ngành giáo dục - đào tạo. Tuy nhiên, năng suất lao động toàn khu vực dịch vụ và nhiều ngành dịch vụ có tốc độ tăng thấp hơn tốc độ tăng của toàn nền kinh tế, trong đó một số ngành còn bị giảm, như ngành tài chính, ngân hàng, ngành kinh doanh bất động sản và dịch vụ tư vấn, ngành y tế, ngành đảng, đoàn thể, hiệp hội, ngành phục vụ cá nhân, cộng đồng và làm thuê.

**Một số quan điểm và giải pháp về phát triển dịch vụ**

Từ lý luận và thực tiễn trên thế giới và Việt Nam, có thể nêu ra một số quan điểm phát triển ngành dịch vụ ở Việt Nam đến năm 2020 như sau.

**Thứ nhất**, dịch vụ là một bộ phận cấu thành quan trọng trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân, là ngành sản xuất các sản phẩm dịch

vụ và trực tiếp tạo ra tổng sản phẩm trong nước (GDP).

Toàn bộ nền kinh tế quốc dân bao gồm 21 ngành cấp I, 88 ngành cấp II, 244 ngành cấp III, 437 ngành cấp IV và 642 ngành cấp V, được phân vào 3 nhóm ngành (còn được gọi là 3 khu vực). Nhóm ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản (khu vực I) gồm 1 ngành cấp I. Nhóm ngành công nghiệp và xây dựng (khu vực II) gồm 5 ngành cấp I. Nhóm ngành dịch vụ (khu vực III) gồm 15 ngành cấp I.

Nếu các ngành thuộc khu vực I và khu vực II sản xuất sản phẩm vật chất, thì các ngành thuộc khu vực III sản xuất ra sản phẩm dịch vụ - một bộ phận quan trọng không chỉ làm tăng giá trị sản phẩm vật chất mà còn trực tiếp tạo ra GDP.

Đây là một quan điểm được coi là có tầm quan trọng hàng đầu, bởi quan điểm này liên quan đến đổi mới tư duy lý luận. Trước đây, khu vực này thường được coi là các ngành không sản xuất, không trực tiếp tạo ra giá trị, mà chỉ làm tăng giá trị sản phẩm do các ngành sản xuất vật chất trực tiếp tạo ra. Với lý luận về hệ thống tài khoản quốc gia,

các ngành thuộc khu vực dịch vụ cũng trực tiếp tạo ra giá trị, tạo ra GDP của cả nước; hơn nữa, trong các nước và vùng lãnh thổ có số liệu so sánh thì có 3/10 nước Đông Nam Á, 15/39 nước và vùng lãnh thổ ở châu Á, 103/165 nước và vùng lãnh thổ trên thế giới đã có tỷ trọng khu vực dịch vụ trong GDP đạt trên 50% (có nghĩa là lớn hơn tỷ trọng của khu vực I và khu vực II cộng lại).

**Thứ hai**, nâng cao tỷ trọng nhóm ngành dịch vụ trong GDP trên cơ sở tăng trưởng dịch vụ cao hơn tăng trưởng GDP.

Nâng cao tỷ trọng nhóm ngành dịch vụ trong GDP là xu hướng chung của các nước trên thế giới. Trong khi tỷ trọng dịch vụ trong GDP của Việt Nam hiện ở mức 38,1%. Vị trí của Việt Nam trong nước và vùng lãnh thổ có số liệu so sánh về tỷ trọng nhóm ngành dịch vụ trong GDP như sau:

- Đứng thứ 8 trong 10 nước ở khu vực Đông Nam Á;
  - Đứng thứ 33 trong 39 nước và vùng lãnh thổ ở châu Á;
  - Đứng thứ 141 trong 165 nước và vùng lãnh thổ trên thế giới.
- Đó là các vị trí còn rất thấp.

**LAO ĐỘNG LÀM VIỆC TRONG CÁC NGÀNH THUỘC KHU VỰC DỊCH VỤ**

Tên ngành	Năm 2000		Năm 2007		Năm 2007 tăng so với 2000 (%)
	Ngìn người	Tỷ trọng (%)	Ngìn người	Tỷ trọng (%)	
<b>TOÀN NỀN KINH TẾ</b>	<b>37609,6</b>	<b>100,00</b>	<b>44171,9</b>	<b>100,00</b>	<b>17,5</b>
<i>Toàn Ngành Dịch Vụ</i>	8199,8	21,80	11535,8	26,10	40,8
- Thương nghiệp	3896,8	10,36	5291,7	11,98	35,8
- Khách sạn, nhà hàng	685,4	1,82	813,9	1,84	18,9
- Vận tải, bưu điện, du lịch	1174,3	3,12	1217,3	2,76	3,8
- Tài chính, tín dụng	75,2	0,20	209,9	0,48	179,1
- Khoa học và công nghệ	18,8	0,05	26,9	0,06	43,1
- Kinh doanh tài sản và dịch vụ tư vấn	63,9	0,17	216	0,49	238,0
- Quản lý nhà nước	376,1	1,00	793,2	1,80	110,9
- Giáo dục và đào tạo	995,1	2,65	1356,6	3,07	36,3
- Y tế và hoạt động cứu trợ xã hội	225,6	0,60	384,3	0,87	70,4
- Văn hoá và thể thao	132,0	0,35	136,4	0,31	3,3
- Đảng, đoàn thể và hiệp hội	63,9	0,17	192,9	0,44	201,9
- Phục vụ cá nhân, cộng đồng và làm thuê	492,7	1,31	896,7	2,03	82,0

Nguồn số liệu: tính từ số liệu trong các niên giám thống kê

**Thứ ba,** dịch vụ cần mang tính chuyên nghiệp cao

Thời gian qua, dịch vụ còn ít tính chuyên nghiệp, còn mang nặng tính kiêm nhiệm.

**Thứ tư,** các thành phố cần có tỷ trọng dịch vụ trong GDP cao hơn tỷ trọng của hai khu vực khác cộng lại.

Hiện nay, trừ thành phố Hà Nội và TP Hồ Chí Minh có tỷ trọng dịch vụ cao hơn tỷ trọng của hai khu vực khác cộng lại (Hà Nội 57,5%, TP. Hồ Chí Minh 50,4%), còn các thành phố trực thuộc Trung ương khác có tỷ trọng thấp hơn (Hải Phòng 43,6%, Đà Nẵng 48,3%, Cần Thơ 42,7%).

Một số địa bàn trên tỷ trọng dịch vụ còn giảm (như Hà Nội năm 1995 đạt 61,6%, năm 2005 còn 57,5%, TP. HCM giảm từ 52,6% năm 2000 xuống còn 50,4% năm 2003, Hải Phòng giảm từ 45,6% năm 2000 xuống còn 43,6% năm 2003, Đà Nẵng giảm từ 51% năm 2000 xuống còn 48,3% năm 2003, Cần Thơ giảm từ 46,5% năm 2000 xuống còn 42,7% năm 2003).

Ở đây có một số điểm chung cần được bàn lại. Trong thời kỳ đất nước đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, thì các đô thị lớn cũng đều để ra mục tiêu đó và mong muốn đi đầu trong công cuộc này bằng cách đẩy mạnh thu hút đầu tư nước ngoài vào việc xây dựng các khu công nghiệp phát triển công nghiệp, chạy theo việc xây dựng các khu công nghiệp, trở thành trung tâm công nghiệp, mà chưa quan tâm đến việc trở thành trung tâm dịch vụ, chưa đặc biệt chú ý đến việc quản lý đô thị, nâng cao chất lượng cuộc sống. Gần đây một số địa bàn đã có xu hướng:

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng dịch vụ- công nghiệp- nông nghiệp;

- Chuyển dẫn các nhà máy ra

ngoại thành, ra các tỉnh khác;

- Hướng việc đầu tư trực tiếp nước ngoài trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp ra các tỉnh khác.

Việc chuyển dịch này đều có lợi cho cả hai phía:

*a) Đối với các tỉnh thì phát huy lợi thế về:*

- Diện tích đầu tư xây dựng rộng;

- Giá đất, giá xây dựng thấp;

- Có lực lượng lao động dồi dào, giá nhân công rẻ, thu hút được lao động thiếu việc làm từ nông nghiệp, nông thôn sang;

- Việc xử lý môi trường dễ dàng hơn, với chi phí thấp hơn;

- Phù hợp với mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, thu hút lao động từ nông nghiệp, nông thôn sang của các tỉnh.

*b) Đối với các thành phố:*

- Có điều kiện tập trung vào quản lý đô thị;

- Có điều kiện để tập trung vào việc xây dựng thành phố trở thành trung tâm dịch vụ, trung tâm công nghệ cao, trung tâm khoa học- công nghệ, đào tạo, văn hoá, y tế,... của cả nước hay của vùng.

- Giảm áp lực về giao thông, môi trường,.

**Thứ năm,** trong các ngành dịch vụ, cần ưu tiên cho việc phát triển các ngành dịch vụ động lực.

Các ngành dịch vụ động lực là các ngành trực tiếp phục vụ cho các ngành sản xuất vật chất, các ngành giúp cho việc đổi mới kỹ thuật- công nghệ. Đó là các ngành:

- Bán buôn và bán lẻ..., bởi tiêu thụ là động lực của sản xuất;

- Vận tải kho bãi để đưa sản phẩm đến nơi tiêu thụ nhanh nhất, rẻ nhất;

- Dịch vụ lưu trú và ăn uống để thu hút khách du lịch trong và ngoài nước;

- Thông tin và truyền thông, bởi thông tin là mũi nhọn, trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp;

- Tài chính, ngân hàng, bảo hiểm để dòng vốn được lưu thông thông suốt, hiệu quả;

- Kinh doanh bất động sản, bởi nó vừa là nền tảng sản xuất- kinh doanh, vừa là kênh đầu tư;

- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ, bởi khoa học- công nghệ là động lực của tăng trưởng;

- Giáo dục và đào tạo, bởi giáo dục, đào tạo là chìa khoá của khoa học- công nghệ.

**Thứ sáu,** thu hút nguồn lực của các thành phần kinh tế, các nguồn lực của xã hội, đẩy mạnh xã hội hoá trong việc phát triển dịch vụ, nhất là các dịch vụ thương mại, giáo dục, đào tạo, y tế, văn hoá thể thao, giải trí, kể cả khoa học- công nghệ.

**Thứ bảy,** phát triển dịch vụ cần tận dụng, đồng thời phù hợp với cam kết hội nhập quốc tế

- Hội nhập và toàn cầu hoá là xu thế của thời đại ngày nay trong một thế giới phẳng.

- Các nước chuyển đổi đã hội nhập tương đối nhanh và tương đối đầy đủ đối với các ngành sản xuất sản phẩm vật chất, nhưng thường hội nhập chậm hơn và mở rộng dần sang các lĩnh vực dịch vụ, nhất là các lĩnh vực bán lẻ, tiện tệ- tín dụng, văn hoá thông tin,...

- Khi hội nhập về dịch vụ, một mặt cần giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc, bảo đảm an ninh..., mặt khác phù hợp với các nội dung đã cam kết về thời hạn, phạm vi mở cửa hội nhập.

- Khi hội nhập về dịch vụ, cần tận dụng thời cơ do sức ép của hội nhập để nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của sản phẩm dịch vụ trong nước, tận dụng thời cơ để cải cách các dịch vụ trong nước. □